

Số: /2023/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 681/TTr-STNMT ngày 20 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024; Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024 (lần 1); Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024 và Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Ủy

ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2024, Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021, Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh được sử dụng làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

1. Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân.

2. Tính thuế sử dụng đất.

3. Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai.

4. Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

5. Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai.

6. Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

1. Những nội dung tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021, Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Các nội dung không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021, Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT, Công báo tỉnh, Báo Lạng Sơn;
- Các PVP UBND tỉnh, Phòng TH, TT Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(NTA).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Thanh Sơn

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TÊN THÔN, ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN ĐỒNG MỎ VÀ THỊ TRẤN CHI LĂNG, HUYỆN CHI LĂNG

(Kèm theo Quyết định số 27 /2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị hành chính	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn		Nội dung sửa đổi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(3)	(4)
I	Thị trấn Đồng Mỏ				
42		Khu dân cư tiếp giáp đường trục giao thông chính thôn Than Muội		Khu dân cư tiếp giáp đường trục giao thông chính khu Than Muội	
II	Thị trấn Chi Lăng	Đoạn đường theo Bảng giá đất hiện hành		Nội dung sửa đổi	
	Đường loại II	Từ	Đến	Từ	Đến
2	Quốc lộ 1 đoạn 2	Km 63+00.	Km 63+430 (đường rẽ vào thôn Đồng Bành).	Km 63+00.	Km 63+430 (đường rẽ vào khu Đồng Bành).
3	Quốc lộ 1 đoạn 3	Km 63+430 (đường rẽ vào thôn Đồng Bành).	Km 64+320 (đường rẽ vào phòng giao dịch NHNN&PTNT khu vực Đồng Bành).	Km 63+430 (đường rẽ vào khu Đồng Bành).	Km 64+320 (đường rẽ vào phòng giao dịch NHNN&PTNT khu vực Đồng Bành).
4	Quốc lộ 1 đoạn 4	Km 64+320 (đường rẽ vào phòng giao dịch NHNN&PTNT khu vực Đồng Bành).	Km 65+50 (hết ranh giới thôn Pha Lác).	Km 64+320 (đường rẽ vào phòng giao dịch NHNN&PTNT khu vực Đồng Bành).	Km 65+50 (hết ranh giới khu Pha Lác).
6	Quốc lộ 1 đoạn 1	Km 65+50 (hết ranh giới thôn Pha Lác).	Km 66+200.	Km 65+50 (hết ranh giới khu Pha Lác).	Km 66+200.
9	Quốc Lộ 1 cũ thuộc thôn Cây Hồng và thôn Lân Bông			Quốc Lộ 1 cũ thuộc khu Cây Hồng và khu Lân Bông	

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành.

BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở KHU VỰC CÁC XÃ, THỊ TRẤN*(Kèm theo Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)**ĐVT: Đồng*

STT	Tên đơn vị hành chính	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn						Giá đất điều chỉnh			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Đồng Mỏ										
38	Quốc lộ 1 đoạn 3	Từ Km50+600	Đến Km51+200	800.000	480.000	320.000	160.000	1.715.000	1.029.000	686.000	343.000

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành.

BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHU VỰC CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(Kèm theo Quyết định số 27 /2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

DVT: Đồng

STT	Tên đơn vị hành chính	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn						Giá đất điều chỉnh			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Đồng Mỏ										
38	Quốc lộ 1 đoạn 3	Từ Km50+600	Đến Km51+200	560.000	336.000	224.000	112.000	1.200.000	720.000	480.000	240.000

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành.

BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHU VỰC CÁC XÃ, THỊ TRẤN
(Kèm theo Quyết định số 27 /2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị hành chính	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn						Giá đất điều chỉnh			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
I	Thị trấn Đồng Mỏ										
38	Quốc lộ 1 đoạn 3	Từ Km50+600	Đến Km51+200	640.000	384.000	256.000	128.000	1.370.000	822.000	548.000	274.000

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành./.

BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đường loại	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn				Giá đất điều chỉnh			
					Giá đất				Giá đất			
		Từ	Đến		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
A	Thị trấn Đình Lập											
1	Tuyến đường tránh Quốc lộ 4B (TT Đình Lập - Quảng Ninh) (Đường 31-10) đoạn 2:	Hết khu tái định cư	Đầu cầu Khuổi Siến	II	2.400.000	1.440.000	960.000	480.000	3.200.000	1.920.000	1.280.000	640.000
Bổ sung giá đất mới												
1	Những thửa đất có mặt tiếp giáp với đường Nội thị - Đường Yên Lập (Quốc lộ 4B cũ) đầu nối với đường 31 - 10 (Đường tránh Quốc lộ 4B) thuộc Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập								4.080.000	2.448.000		
2	Đường nội bộ Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập								3.440.000	2.064.000	1.376.000	688.000

Ghi chú: Các vị trí (Vị trí 2, 3, 4) không có mức giá thì áp giá theo bảng giá đất các khu vực còn lại tại đô thị

BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở; GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đường	Đoạn đường		Đường loại	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn								Giá đất điều chỉnh							
					Giá đất ở				Giá đất sản xuất, kinh doanh, PNN không phải đất thương mại, dịch vụ				Giá đất ở				Giá đất sản xuất, kinh doanh, PNN không phải đất thương mại, dịch vụ			
		Từ	Đến		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
A	Thị trấn Đình Lập																			
1	Tuyến đường tránh Quốc lộ 4B (TT Đình Lập - Quảng Ninh) (Đường 31-10) đoạn 2:	Hết khu tái định cư	Đầu cầu Khuổi Siến	II	3.000.000	1.800.000	1.200.000	600.000	2.100.000	1.260.000	840.000	420.000	4.000.000	2.400.000	1.600.000	800.000	2.800.000	1.680.000	1.120.000	560.000
Bổ sung giá đất mới																				
1	Những thửa đất có mặt tiếp giáp với đường Nội thị - Đường Yên Lập (Quốc lộ 4B cũ) đầu nối với đường 31 - 10 (Đường tránh Quốc lộ 4B) thuộc Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập												5.100.000	3.060.000			3.570.000	2.142.000		
2	Đường nội bộ Khu trung tâm văn hóa, thể thao và khu dân cư huyện Đình Lập												4.300.000	2.580.000	1.720.000	860.000	3.010.000	1.806.000	1.204.000	602.000

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TÊN THÔN, NHÓM VỊ TRÍ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn				Nội dung sửa đổi						
	Tên xã	Nhóm vị trí I	Nhóm vị trí II	Nhóm vị trí III	STT	Tên xã	Nhóm vị trí I	Nhóm vị trí II	Nhóm vị trí III		
		(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)			(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	
II	Nhóm II				II	Nhóm II					
1	Xã Bắc Hùng	- Nà Cạn	- Khòn Búm	- Các thôn còn lại	1	Xã Bắc Hùng	- Nà Cạn	Đông Phòng (Khòn Búm, Bó Mịn)	- Các thôn còn lại		
		- Lũng Vài	- Bó Mịn								- Lũng Vài
		- Bản Vạc	- Thanh Hảo							- Bản Vạc	- Thanh Hảo
		- Nà Liệt Trong	- Bản Lếch							- Nà Liệt Trong	- Bản Lếch
		- Đoàn Kết								- Đoàn Kết	
		- Bản Hu (thôn Bản Hu Trong + thôn Bản Hu Ngoài)								- Bản Hu (thôn Bản Hu Trong + thôn Bản Hu Ngoài)	

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 27 /2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường theo Bảng giá đất		Nội dung sửa đổi		
		(3)	(4)	-2	(3)	(4)
I	Xã Yên Phúc	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn		Tên đường	Đề nghị điều chỉnh lại đoạn đường	
		Từ	Đến		Từ	Đến
1	Đường nhánh Quốc lộ 279	đường rẽ vào UBND xã Yên Phúc	Chợ Bãi		đường rẽ vào UBND xã Yên Phúc	Chợ Bãi (toàn bộ khu vực trong chợ - áp dụng đối với những thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với chợ)
3	ĐH.59B	Ngã 3 Quốc lộ 279 (bưu điện xã Yên Phúc)	Cổng Kéo Đầy	ĐH.58	Ngã 3 Quốc lộ 279 (bưu điện xã Yên Phúc)	Cổng Kéo Đầy
7	ĐH.59B	Cổng Kéo Đầy	Cột Km số 2 (Chợ đi Ba Xã)	ĐH.58	Cổng Kéo Đầy	Cột Km số 2 (Chợ Bãi đi Ba Xã)
XVII	Xã An Sơn	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn				
1	Đường ĐH.51 đường Lùng Pa – Pắc Kéo (qua các thôn Bình Đăng A, Bình Đăng B, Bản Thí)				Đường ĐH.53 đường Lùng Pa - Pắc Kéo - Thị trấn (qua các thôn Bình Đăng A, Bình Đăng B, Bản Thí)	
II	Thị trấn Văn Quan	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn			Nội dung sửa đổi	
	Đường loại II	Từ	Đến		Từ	Đến

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường theo Bảng giá đất		Nội dung sửa đổi		
		(3)	(4)	-2	(3)	(4)
7	Đường Thanh Xuân	Ngã ba Tu Đồn (đi xã Bình Phúc)	hết Mốc địa giới hành chính thị trấn Văn Quan		Ngã ba Tu Đồn (đi xã Bình Phúc)	Km 182+1500 Đường QL 279
	Đường loại III					
10	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 1	Km28+ 230	trên bề nước cống qua đường + 50 m		Km28+220 Quốc lộ 1B	Km16+950 đường ĐH.53
12	Đường Lương Văn Tri đoạn 4	Km 28+100 (đi xã Diềm He)	hết mốc địa giới hành chính thị trấn Văn Quan		Km 28+100 (đi xã Diềm He)	Km 26 Quốc lộ 1B.
16	Đường Tân An (đi Lùng Hang) đoạn 2	trên bề nước cống qua đường + 50 m	hết phố Tân An		Km16+950 đường ĐH.53	hết phố Tân An
17	Đường Quốc lộ 279 đoạn 1	phố Bản Coóng giáp phố Thanh Xuân	hết địa giới thị trấn Văn Quan		Km 182+1500 Quốc lộ 279	Hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Bình Phúc
18	Đường Quốc lộ 1B (phố Nà Lộc)	Km 29+950	hết địa giới thị trấn Văn Quan		Km 26 Quốc lộ 1B	hết địa giới thị trấn Văn Quan giáp xã Diềm He

*Số thứ tự được đánh theo số thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành.

BẢNG ĐIỀU CHỈNH TÊN THÔN, NHÓM VỊ TRÍ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 27 /2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn				Nội dung sửa đổi				
	Tên xã	Nhóm vị trí I	Nhóm vị trí II	Nhóm vị trí III	STT	Tên xã	Nhóm vị trí I	Nhóm vị trí II	Nhóm vị trí III
		(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)			(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)	(Gồm các thôn, bản)
III	Nhóm III				III	Nhóm III			
11	Xã Trấn Ninh		- Nà Chả	- Các vị trí, các thôn, bản còn lại	11	Xã Trấn Ninh		Khau Ngò (Nà Chả, Nà Lắc)	- Các vị trí, các thôn, bản còn lại
			- Bản Hèo						
			- Kòn Pù					- Bản Hèo	
			- Nà Lắc (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường liên xã)					- Kòn Pù (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường tỉnh 232, đường liên xã)	
								- Phù Huê (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp với đường tỉnh 232)	
III	Nhóm III				III	Nhóm III			
17	Xã Liên Hội		- Khòn Cái (ghép thôn Khòn Cái và thôn Nà Pua)	- Các vị trí, các thôn, bản còn lại	17	Xã Liên Hội		- Khòn Cái (ghép thôn Khòn Cái và thôn Nà Pua)	- Các vị trí, các thôn, bản còn lại
			- Khòn Tầu					- Khòn Tầu	
			- Khòn Lạn					- Khòn Lạn	
			- Nà Rằng					Việt Yên (Nà Rằng, Khòn Coọng)	
			- Nà Me (ghép thôn Nà Lùng và thôn Nà Me)					- Nà Me (ghép thôn Nà Lùng và thôn Nà Me)	
		- Khòn Cọn (áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với đường tỉnh lộ 232 và đường liên xã)		- Khòn Cọn (áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với đường tỉnh lộ 232 và đường liên xã)					

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên đường	Đoạn đường		Theo Bảng giá đất tại Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn		Nội dung sửa đổi	
				Giá đất		Giá đất	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT1	VT2
3	Xã Quảng Lạc						
3.1	Đường 234	Cầu Bản Loỏng	Đoạn rẽ vào trụ sở UBND xã	400.000	432.000	720.000	432.000

* Số thứ tự được đánh theo thứ tự tại Bảng giá đất hiện hành